TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 480/2018/DS-ST
Ngày: 03-10-2018
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Tiến

2. Ông Trần Phú Nhuận

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2018/TLST-DS ngày 03/5/2018 về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2018/QĐST- DS ngày 31/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A
Địa chỉ trụ sở: A đường C, Phường Z, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Văn H (xin vắng mặt).
(Theo giấy ủy quyền số 883/UQ-QLN.18, ngày 20/8/2018 của Ngân hàng thương mại cổ phần A).

Bị đơn: Ông Đặng Hoàng H và bà Thiềm Thị Thu H(vắng mặt)
Cùng địa chỉ: P2 đường Bạch Mã, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2016 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Ngày 04/6/2011 Bị đơn với nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 22/6/2011, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Đặng Hoàng H và bà Thiềm Thị Thu H, chi tiết như sau:

Số thẻ : 4365 9910 0001 4879

Ngày cấp : 22/06/2011

Hạn mức thẻ : 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng)

Hiệu lực thẻ : 3 năm (kể từ ngày 22/6/2011 đến ngày 22/6/2014)

Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn: theo quy định trong Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Đặng Hoàng H và bà Thiềm Thị Thu Hđã sử dụng hết số tiền 163.960.210 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 471.449.284 đồng, 24/12/2014 ông H bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 10/04/2015 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 22/4/2016 ông Đặng Hoàng H và bà Thiềm Thị Thu Hcòn nợ Ngân hàng số tiền 230.734.685 đồng (trong đó vốn 163.960.210 đồng, lãi quá hạn: 66.774.475 đồng). Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 03/10/2018, ông Đặng Hoàng H và bà Thiềm Thị Thu Hcòn nợ Ngân hàng số tiền 388.690.451 đồng (trong đó vốn gốc: 163.960.210 đồng, lãi quá hạn: 224.730.241 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Châu Văn H đại diện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu xét xử vắng mặt và có bản tự khai, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H, bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 03/10/2018 là 388.690.451 đồng (trong đó vốn gốc: 163.960.210 đồng, lãi quá hạn: 224.730.241 đồng), và thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng kể từ ngày 04/10/2018 đến ngày ông Đặng Hoàng H và bà Thiềm Thị Thu Htrả dứt nợ.

Bị đơn vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc 163.960.210 đồng, tiền lãi do Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu bị đơn bà ông H, bà H trả số tiền vay còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "tranh chấp về hợp đồng vay tài sản". Do bị đơn bà ông H, bà H cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét xử vắng mặt đương sự: Ông H, bà H đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông H, bà H.

Ông Châu Văn H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại các phiên tòa do bận công tác nên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Hiếu.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng được ký giữa ông H, bà H với Ngân hàng thương mại cổ phần A có cơ sở để xác định với chủ thẻ ông H, bà H có sử dụng thẻ ACB Visa Platinum của ngân hàng với hạn mức là 200.000.000 đồng. Theo nội dung trong hợp đồng thì ông H, bà H cam kết sử dụng thẻ theo đúng quy định trong hợp đồng với Ngân hàng, chịu mọi trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm có liên quan đến việc sử dụng thẻ được Ngân hàng cấp. Ngày 04/6/2011 ông H, bà H đã ký nhận thẻ và cam kết "đã đọc, hiểu và chấp nhận các điều kiện và điều khoản được quy định trong hợp đồng sử dụng thẻ". Theo đó ông H, bà H phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc và các khoản lãi, phí phát sinh nếu không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng.

Xét, tại các bản sao kê do Ngân hàng cung cấp, thể hiện chủ thẻ ông H, bà H đã sử dụng thẻ tín dụng nói trên, tính từ ngày Ngân hàng khởi kiện 22/4/2016, ông H, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 471.449.284 đồng, còn nợ Ngân hàng số tiền 230.734.685 đồng (trong đó vốn 163.960.210 đồng, lãi quá hạn: 66.774.475 đồng).

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 03/10/2018, ông Đặng Hoàng H và bà Thiềm Thị Thu Hcòn nợ Ngân hàng số tiền 388.690.451 đồng (trong đó vốn gốc: 163.960.210 đồng, lãi quá hạn: 224.730.241 đồng).

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi và phí của nguyên đơn đối với bị đơn:

Căn cứ theo Quyết định điều chỉnh lãi suất cho vay đối với thẻ tín dụng/thẻ trả trước, ngày 03/3/2011 thì lãi suất đối với loại thẻ của bị đơn sử dụng là 23%/năm; Quyết định điều chỉnh lãi suất cho vay đối với thẻ tín dụng/thẻ trả trước, ngày 11/11/2011 thì lãi suất đối với loại thẻ của bị đơn sử dụng là 24,8%/năm; Bảng điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng quốc tế do ACB phát hành, ngày 31/5/2017 thì lãi suất đối với loại thẻ của bị đơn sử dụng là 27%/năm; Bảng biểu phí, lãi suất của các loại thẻ ACB phát hành, ngày 09/6/2017 thì lãi suất đối với loại thẻ của bị đơn sử dụng là 27%/năm. Trong quá trình sử dụng thẻ ông H, bà H vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ vốn và nợ lãi đúng hạn theo quy định trong hợp đồng nên ông H, bà H phải chịu các

khoản phí và lãi nói trên theo quy định. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín tụng thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Như vậy theo hợp đồng tín dụng nói trên, ông H, bà H đồng ý thỏa thuận và ký hợp đồng với nguyên đơn Ngân hàng nghĩa là ông H, bà H mặc nhiên đồng ý chịu khoản lãi được quy định trong hợp đồng và chịu các nghĩa vụ thanh toán khác của ngân hàng.

Từ những nhận định trên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A, buộc ông H, bà H phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tiền vay còn thiếu là 388.690.451 đồng (trong đó vốn gốc: 163.960.210 đồng, lãi quá hạn: 224.730.241 đồng) và trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hành kể từ ngày 04/10/2018 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông H, bà H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ các Điều 473, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc bị đơn ông Đặng Hoàng Hiệp, bà Thiềm Thị Thu Hiền có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền vay còn thiếu là 388.690.451 đồng, và trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hành kể từ ngày 04/10/2018 cho đến khi ông Đặng Hoàng Hiệp, bà Thiềm Thị Thu Hiền trả dứt nợ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm là 19.434.523 đồng, ông Đặng Hoàng H và bà Thiềm Thị Thu Hphải chịu.

Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.768.367 đồng, theo biên lai thu tiền số 09950 23/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tố Nhân